

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 595/2023/HC-PT
Ngày 09 - 8 - 2023
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường và bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 563/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2022, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8744/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông LNC, sinh năm 1945; địa chỉ: Số nhà 42 NBK, phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hoá. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông PTB, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 39/17/14 Đường 22, Khu phố 7, phường LĐ, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) và Chủ tịch UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật của UBND và Chủ tịch UBND thành phố SS: Ông LVT - Chủ tịch UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NNB - Phó Chủ tịch UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. UBND phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HTG - Chủ tịch UBND phường TS, thành phố SS. (vắng mặt)

3.2. Bà LTX, sinh năm 1972; bà LTT, sinh năm 1974; bà NTĐ, sinh năm 1952; bà LTH, sinh năm 1945; bà LTT1, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Khu phố HK, phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa. (đều vắng mặt)

3.3. Bà LTH1, sinh năm 1983; địa chỉ: 116 TND, phường QT, thành phố SS, tỉnh Thanh Hoá. (vắng mặt)

3.4. Bà LTH2, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 45 đường số 3, TP, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông PTB, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 39/17/14 Đường 22, Khu phố 7, phường LĐ, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.5. Ông LNO, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố HK, phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông O: Ông LVL, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố KT, phường TS, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/4/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện ông LNC trình bày:

Về nguồn gốc đất: Đây là khu đất từ thời ông cha sử dụng từ năm 1954, sau đó để lại cho vợ chồng ông LNC, bà LTC, gia đình ông trực tiếp sinh sống và canh tác trên mảnh đất từ đó đến nay. Ngày 27/11/1993, được UBND thị xã SS (nay là thành phố SS), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 00387. Từ năm 1978, gia đình ông đã cất một căn nhà có diện tích khoảng 106m² để sinh sống phục vụ sản xuất.

Đến năm 2000, do tuổi cao sức yếu, không còn khả năng lao động nên ông chia đất cho các con và người thân trong gia đình, cụ thể: LTX, LTT, LTH1, LTH2, LTH, LTĐ quản lý sử dụng. Năm 2013, con gái ông là LTH1 được cấp sổ hộ khẩu tại đây.

Ngày 09/8/2021, UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4297/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 4297) thu hồi đất của gia đình ông. Cùng ngày 09/8/2021, UBND thành phố SS ban hành Quyết định số 4298/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 4298) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (viết tắt là BT, HT, GPMB) cho gia đình ông và các hộ dân bị thu hồi đất, xác định đất thu hồi của gia đình ông là đất nông nghiệp. Theo phương án bồi thường thì gia đình ông được bồi thường 42.848.000đ tiền đất trồng cây hàng năm, bồi thường vật kiến trúc 44.190.000đ, hỗ trợ cây hoa màu 66.103.000đ. Gia đình ông không đồng ý với cách tính này đã có đơn khiếu nại

gửi lên UBND thành phố SS, yêu cầu tính cho gia đình ông phần đất ở và bố trí tái định cư cho gia đình ông.

Ngày 08/10/2021, Chủ tịch UBND thành phố SS ban hành Quyết định số 6170/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 6170) không chấp nhận đơn khiếu nại với lý do gia đình ông tự ý chuyển mục đích sử dụng đất. Ông cho rằng nội dung trong quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông, với những lý do sau:

Gia đình ông chuyển mục đích sử dụng đất, xây nhà và sử dụng từ năm 1977, trước khi gia đình ông được nhà nước cấp GCNQSDĐ năm 1993.

Năm 2013, con gái ông là bà LTH1 đã được cấp Sổ hộ khẩu tại căn nhà trên.

Vì gia đình ông xây dựng nhà cửa hợp pháp nên trong Quyết định phê duyệt phương án BT, UBND thành phố SS mới BT số tiền 44.190.000đ.

Trước khi phê duyệt phương án BT, UBND thành phố SS không tổ chức lấy ý kiến của gia đình ông.

Đây là dự án do tập đoàn Sun Group là chủ đầu tư nên giá bồi thường phải được thỏa thuận với người có đất bị thu hồi. Giá trị bồi thường phải thông qua đấu giá theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 39 Luật Đất đai.

Từ những lý do trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Hủy một phần Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND thành phố SS về việc thu hồi đất của 7 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại phường TS để GPMG thực hiện dự án: Khu Đô thị Quảng trường biển SS, thành phố SS (phần liên quan đến gia đình ông).

2. Hủy một phần Quyết định số 4298/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND thành phố SS phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 7 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại phường TS để thực hiện dự án: Khu Đô thị Quảng trường biển SS, thành phố SS (phần liên quan đến gia đình ông).

3. Hủy Quyết định số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS về việc giải quyết khiếu nại của ông LNC (ông C là chồng bà LTC).

4. Buộc UBND thành phố SS phải bồi thường cho gia đình ông 400m² đất ở và phải bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Tại Văn bản số 4171/UBND-TNMT ngày 16/8/2022, UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa có quan điểm như sau:

- Về hồ sơ địa chính thửa đất qua các thời kỳ:

+ Hồ sơ 299 đo năm 1984 thuộc một phần thửa đất số 727, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.929m², loại đất 2L, đăng ký trong sổ mục kê HTX.

+ Hồ sơ địa chính 382 năm 1995 thuộc một phần thửa đất số 15, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.082m², loại đất 2L đăng ký sổ mục kê HTX và một phần thửa đất 16, tờ bản đồ số 07, diện tích 865m², loại đất M, đăng ký tên trong sổ mục kê HTX.

+ Hồ sơ địa chính 2010 gồm 6 thửa, tổng diện tích 837,9m²:

1. Thửa 106 tờ bản đồ số 17, diện tích 184,4m², loại đất BHK, đăng ký tên LTC.

2. Thửa 84 tờ bản đồ số 17, diện tích 136,6m², loại đất BHK, đăng ký tên LTX.

3. Thửa 83 tờ bản đồ số 17, diện tích 105,9m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH.

4. Thửa 82 tờ bản đồ số 17, diện tích 104,3m², loại đất BHK, đăng ký tên 2 Cao Sỹ Thiệu.

5. Thửa 77 tờ bản đồ số 17, diện tích 98,74m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH1.

6. Thửa 78 tờ bản đồ số 17, diện tích 208,4m², loại đất BHK, đăng ký tên LTT, có công trình kiến trúc trên đất.

- Hồ sơ địa chính 2018 gồm 7 thửa, tổng diện tích 824m²:

1. Thửa 34-1 tờ bản đồ số 17, diện tích 100m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH1.

2. Thửa 34-2 tờ bản đồ số 17, diện tích 105m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH.

3. Thửa 34-3 tờ bản đồ số 17, diện tích 106m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH2.

4. Thửa 34-4 tờ bản đồ số 17, diện tích 137,3m², loại đất BHK, đăng ký tên LTX.

5. Thửa 34-5 tờ bản đồ số 17, diện tích 185,5m², loại đất BHK, đăng ký tên LTC.

6. Thửa 19 tờ bản đồ số 17, diện tích 87,6m², loại đất BHK, đăng ký tên LTT. Có công trình xây dựng trên đất.

7. Thửa 26 tờ bản đồ số 17, diện tích 102,3m², loại đất BHK, đăng ký tên LTT.

Hiện trạng sử dụng đất Theo biên bản đo đạc, kiểm kê ngày 09/4/2019 và báo cáo số 687/BC-UBND ngày 23/9/2021 thì thửa đất của bà LTC có xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại thửa 78 tờ bản đồ số 17 hồ sơ địa chính 2010 tức là thửa 19 tờ bản đồ số 17 trích đo năm 2018.

- Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Ngày 27/11/1993 UBND thị xã SS cấp GCNQSDĐ cho bà LTC tại thửa 687, tờ bản đồ số 01 diện tích 600m² loại đất 2L, xú đồng RS.

+ Theo báo cáo số 687/BC-UBND ngày 23/9/2021 của UBND phường TS thì ngày 27/11/1993 UBND thị xã SS GCNQSDĐ cho bà LTC số C221498, số vào sổ 337 tại thửa 687 tờ bản đồ số 01 diện tích 600m² loại đất 2L xứ đồng RS. Thực tế vị trí thửa đất hộ bà LTC sử dụng là thửa 727, tờ bản đồ số 01 hồ sơ 299. Khi cấp giấy đã ghi nhầm vị trí sang thửa 687, diện tích thực tế sử dụng tăng 224m² so với GCNQSDĐ là do sai số đo đạc khi cấp GCNQSDĐ.

+ Hiện tại ông LNC có nhà ở đất ở tại khu phố HK, phường TS, thành phố SS.

- Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án BT, HT cho bà LTC về nội dung ông LNC đề nghị bồi thường đất ở và bố trí đất ở tái định cư:

Ngày 08/10/2021, Chủ tịch UBND thành phố SS đã ban hành Quyết định số 6170/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông LNC. Ngày 09/8/2021, UBND thành phố SS ban hành Quyết định số 4297/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4298/QĐ-UBND phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho 07 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại phường TS để thực hiện dự án Khu đô thị Quảng trường biển. Theo đó, thu hồi và BT, HT cho hộ bà LTC diện tích 824m² loại đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK) là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc ông LNC khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 1 phần Quyết định số 4297; hủy một phần Quyết định số 4298; hủy Quyết định số 6170; buộc UBND thành phố bồi thường đất ở và bố trí đất ở tái định cư là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 511/UBND ngày 03/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường TS, thành phố SS có quan điểm như sau:

Về nguồn gốc đất, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, quá trình sử dụng đất giống nội dung trình bày của UBND thành phố SS. Theo đó vị trí đất của gia đình ông LNC là đất nông nghiệp cá thể của gia đình tại xứ đồng RS thuộc khu phố TK; ông LNC xây dựng công trình trên đất không có hồ sơ tài liệu chứng minh thời điểm xây dựng, tại thời điểm kiểm kê không có người ở; hồ sơ qua các thời kỳ thể hiện đất nông nghiệp, sử dụng ổn định vào mục đích đất nông nghiệp; Hộ ông LNC có nhà ở, đất ở tại khu phố HK, phường TS và được cấp GCNQSDĐ năm 2004. Vì vậy nội dung khởi kiện của ông LNC là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà LTX, bà LTT, bà NTĐ, bà LTH, bà LTH1, bà LTH2, bà LTT1, ông LNO đều thống nhất như nội dung trình bày của ông LNC.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 3 Điều 345; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Đất đai; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông LNC đối với các yêu cầu sau đây:

1. Hủy một phần Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND thành phố SS về việc thu hồi đất của 7 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại phường TS để GPMG thực hiện dự án: Khu Đô thị Quảng trường biển SS, thành phố SS (phần liên quan đến gia đình ông LNC).

2. Hủy một phần Quyết định số 4298/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND thành phố SS phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 7 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại phường TS để thực hiện dự án: Khu Đô thị Quảng trường biển SS, thành phố SS (phần liên quan đến gia đình ông LNC).

3. Hủy Quyết định số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS về việc giải quyết khiếu nại của ông LNC (ông C là chồng bà LTC).

4. Buộc UBND thành phố SS phải bồi thường cho gia đình ông C 450m² đất ở và phải bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2022, người khởi kiện ông LNC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông PTB là người đại diện theo ủy quyền của ông LNC và bà LTH2 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ông LNC hoàn toàn nhất trí với đề nghị của người đại diện theo ủy quyền và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông LNC và bà LTH2, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 29/9/2022, người khởi kiện ông LNC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH2 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đơn kháng cáo của ông LNC và bà LTH2 gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, bà LTH2 là người kháng cáo vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Đối tượng khởi kiện vụ án hành là: Quyết định số 4297, Quyết định số 4298 và Quyết định số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS về việc giải quyết khiếu nại của ông C. Ngày 26/11/2021, ông C không đồng ý với các quyết định nêu trên, đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, khoản 1 Điều 115; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông LNC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH2 về việc đề nghị Hủy một phần Quyết định số 4297; Hủy một phần Quyết định số 4298; Hủy Quyết định số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS về việc giải quyết khiếu nại của ông LNC (ông C là chồng bà LTC); Buộc UBND thành phố SS phải bồi thường cho gia đình ông C 450m² đất ở và phải bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ ban hành Quyết định số 4297, số 4298 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa:

Việc UBND thành phố SS ban hành các Quyết định số 4297, số 4298 nêu trên và Chủ tịch UBND thành phố SS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6170 đối với ông LNC, Số nhà 42 NBK, phường TS, thành phố SS là đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 18, Điều 27 và Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

[2.2] Về nội dung các Quyết định số 4297, số 4298 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa:

Về nguồn gốc đất, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, quá trình sử dụng đất được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định: Vị trí đất của gia đình ông LNC là đất nông nghiệp cá thể của gia đình tại xứ đồng RS thuộc khu phố TK. Do đó, ngày 27/11/1993, UBND thị xã SS đã cấp GCNQSDĐ cho bà LTC tại thửa 687, tờ bản đồ số 01 diện tích 600m² loại đất 2L, xứ đồng RS.

Căn cứ Hồ sơ 299 đo năm 1984 thuộc một phần thửa đất số 727, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.929m², loại đất 2L, đăng ký trong sổ mục kê HTX; hồ sơ địa chính 382 năm 1995, thửa đất của gia đình ông C thuộc một phần thửa đất số 15, tờ bản đồ số 07, diện tích 12.082m², loại đất 2L đăng ký sổ mục kê HTX và một phần thửa đất 16, tờ bản đồ số 07, diện tích 865m², loại đất M, đăng ký tên trong sổ mục kê HTX.

Theo Hồ sơ địa chính 2010, thửa đất của gia đình ông C gồm 6 thửa, tổng diện tích 837,9m²:

Theo Hồ sơ địa chính 2018, thửa đất của gia đình ông C gồm 7 thửa, tổng diện tích 824m², cụ thể là:

1. Thửa 34-1 tờ bản đồ số 17, diện tích 100m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH1.
2. Thửa 34-2 tờ bản đồ số 17, diện tích 105m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH.
3. Thửa 34-3 tờ bản đồ số 17, diện tích 106m², loại đất BHK, đăng ký tên LTH2.
4. Thửa 34-4 tờ bản đồ số 17, diện tích 137,3m², loại đất BHK, đăng ký tên LTX.
5. Thửa 34-5 tờ bản đồ số 17, diện tích 185,5m², loại đất BHK, đăng ký tên LTC.
6. Thửa 19 tờ bản đồ số 17, diện tích 87,6m², loại đất BHK, đăng ký tên LTT. Có công trình xây dựng trên đất.
7. Thửa 26 tờ bản đồ số 17, diện tích 102,3m², loại đất BHK, đăng ký tên LTT.

Căn cứ báo cáo số 687/BC-UBND ngày 23/9/2021 của UBND phường TS thì ngày 27/11/1993, UBND thị xã SS cấp GCNQSDĐ cho bà LTC số C221498, số vào sổ 337 tại thửa 687 tờ bản đồ số 01 diện tích 600m² loại đất 2L xứ đồng RS. Thực tế vị trí thửa đất hộ bà LTC sử dụng là thửa 727, tờ bản đồ số 01 hồ sơ 299. Khi cấp giấy đã ghi nhầm vị trí sang thửa 687, diện tích thực tế sử dụng tăng 224m² so với GCNQSDĐ là do sai số đo đạc khi cấp GCNQSDĐ.

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định, ngày 27/11/1993, UBND thị xã SS đã cấp GCNQSDĐ cho bà LTC tại thửa 687, tờ bản đồ số 01 diện tích 600m² loại đất 2L, xứ đồng RS. Kể từ khi nhận GCNQSDĐ nêu trên cho đến khi bị thu hồi, gia đình bà LTC, ông LNC không có khiếu nại gì về diện tích, loại đất nông nghiệp được ghi trong GCNQSDĐ. Bên cạnh đó, mặc dù năm 2010 và năm 2018, gia đình ông C đã đăng ký tách diện tích đất của gia đình thành các thửa cho những người thân trong gia đình nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận nên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên vẫn thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông LNC, bà LTC. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông LNC xây dựng công trình trên đất, nhưng không có hồ sơ tài liệu chứng minh thời điểm xây dựng, tại thời điểm kiểm kê không có người ở; hộ ông C hiện đang có nhà ở, đất ở tại khu phố HK, phường TS và đã được cấp GCNQSDĐ năm 2004.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C có xuất trình 01 Biên lai thanh toán tiền nước ngày 12/8/2021 và khẳng định gia đình vẫn ở trên thửa đất bị thu hồi; tuy nhiên, tài liệu do UBND thành phố SS và UBND phường TS cung cấp thì tại thời điểm đo đạc, kiểm kê khối lượng BT, HT, GPMB vào tháng 9/2021, nhà đất của gia đình ông C đã bỏ hoang không ai sử dụng. Vì vậy, UBND thành phố SS ban hành Quyết định số 4297 (phần liên quan đến gia đình ông C); Quyết định số 4298 (phần liên quan đến gia đình ông C) thu hồi đất, BT, HT khi thu hồi đất của hộ ông LNC và xác định loại đất trồng cây hàng năm (BHK) là đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố SS đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy, việc ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hủy một phần Quyết định số 4297 (phần liên quan đến gia đình ông); Hủy một phần Quyết định số 4298 (phần liên quan đến gia đình ông); Hủy Quyết định số 6170/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố SS về việc giải quyết khiếu nại của ông LNC (ông C là chồng bà LTC); Buộc UBND thành phố SS phải bồi thường cho gia đình ông 450m² đất ở và phải bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở chấp nhận. Do đó gia đình ông C cũng không được bố trí đất tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Như Cẩn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông PTB là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Như Cẩn và bà LTH2 có xuất trình một Giấy mời ghi tên bà LTC đề ngày 09/10/2021 với lý do thời điểm này bà C đã chết nhưng UBND phường TS vẫn mời bà C đến làm việc là không đúng. Hội đồng xét xử thấy, việc UBND phường TS mời bà C đến làm việc khi bà C đã chết là có thiếu sót, đáng lẽ UBND phường TS phải mời đại diện hộ gia đình bà LTC đến làm việc mới chính xác. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc,

UBND phường TS cần rút kinh nghiệm; ngoài ra người kháng cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông LNC và bà LTH2, cần giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà LTH2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; ông LNC là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông C được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

[1]. Bác kháng cáo của ông LNC và bà LTH2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về án phí: Bà LTH2 phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000206 ngày 17/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông LNC.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Văn Cường

Trần Quang Minh